

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

QUÝ 1 NĂM 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VND

Số TT	Tài sản	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	114,235,648,810	112,298,746,553
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	39,647,720,150	34,135,417,334
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20,000,000	20,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	36,322,893,426	45,748,785,532
4	Hàng tồn kho	28,387,193,227	20,981,882,504
5	Tài sản ngắn hạn khác	9,857,842,007	11,412,661,183
II	Tài sản dài hạn	67,349,768,691	80,821,982,386
1	Các khoản phải thu dài hạn	45,764,061	45,764,061
2	Tài sản cố định	56,996,426,301	60,915,451,731
	Tài sản cố định hữu hình	48,598,708,605	39,957,768,430
	Tài sản cố định vô hình	-	10,020,000,000
	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8,397,717,696	10,937,683,301
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7,533,430,000	17,098,950,000
5	Tài sản dài hạn khác	2,774,148,329	2,761,816,594
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	181,585,417,501	193,120,728,939
IV	Nợ phải trả	72,713,304,087	81,378,460,041
1	Nợ ngắn hạn	69,363,325,162	79,184,108,706
2	Nợ dài hạn	3,349,978,925	2,194,351,335
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	108,872,113,414	111,742,268,898
1	Vốn chủ sở hữu	107,952,289,631	110,660,444,199
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	46,694,970,000	46,694,970,000
	Thặng dư vốn cổ phần	47,990,911,925	47,939,104,605
	Cổ phiếu ngân quỹ	(1,500,000)	(1,500,000)
	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	Các quỹ	10,524,984,735	11,909,900,849
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,742,922,971	4,117,968,745
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	919,823,783	1,081,824,699
	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	919,823,783	1,081,824,699
	Nguồn kinh phí	-	-
	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	181,585,417,501	193,120,728,939

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DVT: VND

STT	CHỈ TIÊU	Quý 1/2008	Quý 1/2007
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84,779,092,152	56,670,657,392
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	124,530,645	94,307,418
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84,654,561,507	56,576,349,974
4	Giá vốn hàng bán	60,874,345,198	42,765,162,765
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23,780,216,309	13,811,187,209
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,780,686,941	201,889,839
7	Chi phí tài chính	812,438,923	1,252,438,853
8	Chi phí bán hàng	7,869,287,788	4,441,403,266
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,313,737,467	5,123,363,619
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,565,439,072	3,195,871,310
11	Thu nhập khác	7,684,215,363	176,190,909
12	Chi phí khác	7,010,058,810	45,017,001
13	Lợi nhuận khác	674,156,553	131,173,908
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,239,595,625	3,327,045,218
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1,075,733,255	565,489,952
16	Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4,163,862,370	2,761,555,266

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2008

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên)



Nguyễn An